

Mấy quan điểm xã hội học về vấn đề ở.

TRẦN VĂN TÝ

I

VẤN đề ở không chỉ đặt ra ở căn hộ ở.

Căn hộ chỉ là một không gian cư trú của con người, là một cơ sở vật chất để thực hiện những chức năng tái sản xuất con người về các mặt sinh học, tinh thần, và xã hội. Còn khái niệm ở thì rộng hơn. Ngoài căn hộ ra, nó còn bao gồm cả lãnh vực phục vụ, dân cư và các đất đai kế cận.

Những đặc điểm nhân khẩu của gia đình như: qui mô, cấu trúc gia đình, giới tính về tuổi tác của các thành viên cùng những đặc điểm xã hội của họ như tính chất lao động, trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn, hệ thống quan hệ xã hội, những định hướng giá trị đều có *ảnh hưởng quyết định* tới việc hình thành không gian ở.

Những dấu hiệu trên đây tổng hợp lại trong một đặc trưng khái quát là lối sống gia đình quyết định tính chất chung của nơi ở, quyết định đặc điểm thiết kế quy hoạch căn hộ, quyết định cả cơ cấu tổ chức mạng lưới phục vụ sinh hoạt, văn hoá v.v... Đối với nông dân cá thể, nơi ở chủ yếu là nơi sản xuất, còn đối với viên chức thành phố thì nơi ở có chức năng sinh hoạt - nội trợ.

Căn hộ, nơi ở, tạo thuận lợi hoặc gây trở ngại có khi nghiêm trọng cho sự phát triển của gia đình. Những nghiên cứu xã hội học ở Liên Xô đã cho biết sự phát triển nhà ở tạo tiền đề cần thiết để đảm bảo không khí lành mạnh trong gia đình để nâng cao trình độ nghiệp vụ, phát triển hoạt động văn hóa.

Nhiều sách báo trên thế giới về khoa học xây dựng, kiến trúc đã khẳng định, *khi xây dựng nơi ở mới, những nhu cầu đa dạng, lối sống nhiều vẻ của con người, là một mục tiêu quan trọng được chú ý hàng đầu.*

Những loại thông tin về lối sống, về hiệu quả xã hội không thể có được nếu không tiến hành các công trình nghiên cứu xã hội học. Nghiên cứu vấn đề ở dưới góc độ xã hội học đòi hỏi phải xem xét ý nghĩa đời sống xã hội đối với không gian ở, và ngược lại. Hoạt động xã hội được đề cập trong chừng mực chúng có liên quan với tổ chức không gian, còn tổ chức không gian được xem xét với tính cách việc sử dụng không gian bởi con người. Không gian ở đó bao quát rộng rãi nhiều đặc trưng sinh thái, kể từ những đặc điểm của căn hộ (như số phòng, diện tích ở, diện tích phụ, thành phần các khu ở và khu phụ), từ trang bị kỹ thuật, tầng gác, vi khí hậu của căn hộ tới trang bị sinh hoạt và đồ gỗ, bởi cơ sở dịch vụ, tới trình độ phát triển và đặc trưng khí hậu thiên nhiên của khu vực cư trú.

Vấn đề ở thường đặt ta gay gắt ở thành thị có đông đảo dân cư sống chen chúc và luôn luôn được đề cập hàng đầu trong xã hội học đô thị.

Ngay từ đầu thế kỷ thứ 18, đô thị hóa tư bản chủ nghĩa đi kèm với công nghiệp hóa ở Châu Âu, đã đẻ ra một số hiện tượng xã hội mới. Nạn khan hiếm nhà ở, nạn mại dâm được các nhà từ thiện, các nhà công tác xã hội, quan tâm nghiên cứu. Đầu thế kỷ XX, dân số thành phố Chicago tăng một cách kỳ lạ gần 16 lần trong 40 năm (từ 1860-1900), rồi lại tăng thêm một triệu trong 20 năm sau. Điều này đã đẻ ra nhiều vấn đề nghiêm trọng, thu hút sự chú ý của các nhà xã hội học. Trường phái Chicago được hình thành với ((lý thuyết xã hội học về trật tự xã hội và tinh thần)), với những khái niệm về hệ thống sinh thái, về cân đối, hòng giải quyết sự tăng trưởng hỗn độn, không kiểm soát được của đô thị. Lịch sử xã hội học thường coi trường phái đó là người khai sáng ra môn xã hội học đô thị chính thức. Kinh nghiệm nhiều nước đã cho biết mỗi khi cần cải tạo phát triển

mạnh các đô thị, các nhà ở, không thể có dùng các kinh nghiệm, các cách suy nghĩ cũ mà phải nghiên cứu xã hội học về đô thị, về ở.

Tới nay, rất nhiều nước trên thế giới, kể cả xã hội chủ nghĩa lẫn tư bản chủ nghĩa, đều đã sử dụng phổ biến việc điều tra nghiên cứu xã hội học để quản lý xã hội, quản lý đô thị, để giải quyết các chương trình xây dựng về ở, đã lập nhiều viện nghiên cứu xã hội học, đã tổ chức giảng dạy xã hội học ở nhiều trường đại học. Các chuyên ngành xã hội học như xã hội học đô thị, xã hội học nông thôn, đều nghiên cứu vấn đề ở. Ngoài ra, còn có những bộ phận nghiên cứu xã hội học ở từng ngành, từng cơ quan lãnh đạo địa phương. Như ở Liên Xô, ngoài học viện trung ương nghiên cứu và thiết kế về đô thị, ở Matxcova cũng có bộ phận chuyên trách nghiên cứu xã hội học về nhà ở. Quận Seremuxkin thuộc thành phố Matxcova đã lập Hội đồng nghiên cứu xã hội học gồm 28 người trong đó có những nhà chuyên môn về khoa học kỹ thuật, những người làm công tác Đảng, những người lãnh đạo kinh tế, đứng đầu là đồng chí thư Đảng của quận. Hội đồng này đã nghiên cứu vấn đề xây dựng nhà ở, và hiệu quả của hệ thống phục vụ công cộng - sinh hoạt. Tất cả những điểm nói trên cũng cho thấy rõ ý nghĩa, vai trò của xã hội học đối với việc phát triển nơi ở như thế nào.

Lý luận xã hội học đại cương và chuyên biệt đều có vai trò quyết định đối với nghiên cứu xã hội học về ở. Nếu không có cơ sở lý luận đó để suy nghĩ, phân tích vấn đề, để dựng bộ khung lý luận và khái niệm cần thiết, để lập giả thuyết mà bắt tay ngay vào các khâu cụ thể như đặt câu hỏi, đi phỏng vấn quan sát thì không thể nào đi đến những kết luận có giá trị. Lý luận đó là khâu liên kết các sự kiện thực nghiệm thu thập được với sự khái quát thành những kết luận khoa học về vấn đề ở. Thiếu lý luận đó thì kết quả sẽ chỉ là thu được những mớ tư liệu tản mạn, tầm thường, không nói lên được thực chất các hiện tượng xã hội, cũng không thể đề xuất được những mô hình xây dựng, kiên trúc tối ưu.

II

Lý luận chuyên biệt cần thiết ở đây trước hết là lý luận về gia đình và nơi ở. Vấn đề ở thường được giải quyết tại các nước xã hội chủ nghĩa qua hai giai đoạn. Thoạt đầu, mỗi gia đình được phân phối một căn hộ với những tiện nghi cần thiết, sau đó phần đầu đảm bảo cho mỗi người một phòng riêng. Trong giai đoạn đầu, nhiều người phải ở chung một căn hộ một vài buồng, nên khi lựa chọn kiểu căn hộ phải tính toán tỉ mỉ các đặc điểm nhân khẩu xã hội của gia đình và động thái của những nhân khẩu ấy.

Hiện nay và cả sau này, một trong những *dấu hiệu chủ yếu để hình thành kiểu loại căn hộ* (đơn vị ở) vẫn là *số lượng người sử dụng căn hộ*. Điều đó quyết định trước hết qui mô hay diện tích ở của căn hộ và cũng được thừa nhận là căn cứ chủ yếu để phân phối nhà ở.

Có thể phân chia các *loại gia đình* như sau: 1) gia đình hạt nhân là gia đình gồm một cặp vợ chồng; 2) gia đình hạt nhân không hoàn chỉnh là gia đình chỉ còn một người trong cặp vợ chồng; 3) gia đình đơn giản là cặp vợ chồng không có con và người thân thích; 4) gia đình phức hợp là cặp vợ chồng ở cùng người thân thích (cha mẹ anh chị em); 5) gia đình cơ bản gồm cặp vợ chồng (hoàn chỉnh hay không hoàn chỉnh) cùng con cái; 6) Gia đình phức tạp gồm cặp vợ chồng (hoàn chỉnh này không hoàn chỉnh) cùng con cái là người thân thích khác.

Ở Liên Xô, gia đình được quan niệm rộng rãi, bao gồm một cách quy ước cả những người sống một mình và những nhóm họ hàng chung sống, vì đối với họ cũng phải xem xét vấn đề nhà ở. Để hình thành cơ cấu nhà ở, *cần biết tỷ trọng từng loại gia đình* nói trên, số liệu về những loại đồng nhất để tính trước hết đến nhu cầu của chúng.

Để hình thành các căn hộ cũng cần *hiểu rõ chu trình sống của từng gia đình*.

Sự phát triển của từng gia đình (hay những chu trình sống trong sự phát triển gia đình) chia làm 3 thời kỳ. Hai thời kỳ liên quan với sự tạo thành và tan rã của gia đình, với sự thay đổi số lượng của nó. Thời kỳ thứ ba là thời kỳ ổn định, chỉ có sự biến đổi về tuổi tác và địa vị xã hội của các thành viên. *Cần có số liệu về triển vọng và thời hạn biến chuyển từ chu trình này sang chu trình khác*, tức là khi gia đình cần qui hoạch lại mặt bằng căn

hộ hay cần có một căn hộ ở mới.

Tỉ lệ phần trăm các gia đình tinh theo *qui mô, cơ cấu và chu trình sống* và cả giới tính của con cái, cung cấp số liệu cần thiết để hình thành căn hộ. Đặc biệt cần biết các dự báo nhưng biến đổi của những số liệu đó trong tương lai. Ở đây, không những phải tính đến những dấu hiệu nhân khẩu học của gia đình mà cả những nhân tố kinh tế - xã hội của sự phát triển đất nước.

Ở Liên Xô, việc nghiên cứu các gia đình theo *qui mô, cơ cấu chu trình sống* và giới tính con cái đã phát hiện ra có khoảng 500 loại gia đình. Nhưng để phân loại nhà ở thì không cần đến số lượng lớn như vậy. Căn cứ vào nhiệm vụ nghiên cứu và đặc điểm gia đình, đã hợp lại số loại gia đình trong khoảng 45 đến 80, rồi xây dựng 10 kiểu căn hộ, mỗi kiểu căn hộ thích ứng với một số loại gia đình nhất định. Cùng với sự phát triển kinh tế của xã hội và sự tăng tiêu chuẩn diện tích ở theo đầu người, mối tương quan giữa kiểu căn hộ và loại gia đình sẽ thay đổi.

Để xác định những yêu cầu của gia đình đối với nơi ở thì ngoài đặc điểm nhân khẩu còn cần tính đến đặc điểm xã hội. Điều đó sẽ đảm bảo cho dân cư có nơi ở đáp ứng được nhu cầu mọi mặt của họ và sẽ nâng cao hiệu quả xã hội của vốn đầu tư cơ bản về ở.

Trong một thời gian dài trước đây, *địa vị xã hội của gia đình* thường được xác định theo người đứng đầu gia đình. Ngày nay, có sự phát triển bình đẳng của các thành viên trong gia đình thì cần xác định tiêu chuẩn địa vị xã hội của gia đình cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới. Tiêu chuẩn đó có thể là *lối sống gia đình*, một chỉ số phức hợp nhất được sử dụng nhằm mục đích phát triển nhà ở. Cần tính đến lối sống gia đình thuộc những nhóm xã hội khác nhau. Hợp lý nhất là phân chia nhóm dân cư trong từng giai cấp, theo tính chất lao động và mức độ phức tạp của lao động.

Nghiên cứu lối sống của các nhóm xã hội riêng biệt, và tiếp đó nghiên cứu những mô hình tương ứng về ở là *giai đoạn nghiên cứu cuối cùng* trong việc dự kiến tạo thành nơi ở. Trong những giai đoạn đầu cần xem xét từng đặc trưng xã hội riêng biệt của gia đình. Với tình hình nghiên cứu hiện nay, do thiếu những chỉ báo xã hội phức hợp về toàn bộ gia đình nên thường phải nghiên cứu từng đặc trưng xã hội của mỗi thành viên, từ đó tìm ra những yêu cầu riêng biệt, khác nhau đối với nơi ở, rồi liên kết chúng lại thành những yêu cầu chung của cả gia đình.

Gia đình với tính cách một hệ thống hoạt động xã hội được phân làm 3 loại.

1. Gia đình có mức độ quan hệ qua lại cao.
2. Gia đình có mức độ quan hệ qua lại bình thường.
3. Gia đình có mức độ quan hệ xã hội qua lại thấp.

Những đặc điểm trên của gia đình thường được thể hiện trong *cơ cấu các khu ở của cán bộ* (mức độ cách ly của các khu, *qui mô các khu chung toàn gia đình*), trong *cơ cấu hệ thống phục vụ* và, chủ yếu, *trong các cơ sở văn hóa và nghỉ ngơi*.

Đặc biệt quan trọng đối với việc tạo thành nơi ở là *định hướng giá trị của gia đình*, tức là khuynh hướng về hoạt động văn hóa, tinh thần hay về các vấn đề sinh hoạt nội bộ.

Nhìn chung, gia đình tiến triển từ gia đình là tế bào sinh hoạt - sản xuất của xã hội, qua gia đình sinh hoạt - nội trợ, tới gia đình sinh hoạt - văn hóa. Sự phát triển đó gắn trực tiếp với sự phát triển của căn hộ, mà từ đó hoạt động sản xuất và khu vực sản xuất đã dần dần tách ra. Hiện nay, ở các nước phát triển, cả hoạt động sinh hoạt nội trợ cũng đang dần dần được tách ra do nhiều hoạt động sinh hoạt - nội trợ đã được xã hội hóa tới cao độ. Ở các nước đó, lao động sáng tạo, giáo dục toàn diện con cái, tập luyện thể dục thể thao đang có khuynh hướng tràn vào căn hộ thuộc các nhóm xã hội có trình độ văn hoá cao.

Như vậy những dấu hiệu nhân khẩu và xã hội của gia đình và những yêu cầu của gia đình đối với nơi ở rất đa dạng. Mô tả những đặc trưng khác nhau đó của gia đình mà không xác định tương quan giữa chúng thì tuy có đem lại hiểu biết quan trọng nhưng còn tản mạn. Cho nên điều quan trọng là phải xác lập hệ thống những dấu hiệu gia đình theo mức độ quan hệ của chúng với căn hộ và với những yếu tố của nó.

Động thái trong đời sống gia đình hình thành từ động thái trong sinh hoạt hàng ngày, hàng tuần hay theo mùa của gia đình và từ sự phát triển của gia đình với tinh cách nội cơ thể thống nhất.

Động thái trong sinh hoạt hàng ngày, hàng tuần, theo mùa được đảm bảo bằng thành phần các khu trong nhà ở, bởi trang bị của chúng, bởi sự thay đổi hình thức hoạt động và đặc điểm phân bố các cơ sở dịch vụ trong hệ thống nhà ở.

Chu trình sống của gia đình và cá nhân thay đổi thì sinh hoạt và yêu cầu của họ đối với cơ cấu và đặc điểm chất lượng nơi ở cũng thay đổi. Cho nên, cần xác định khả năng và thời hạn quá độ của gia đình từ thời kỳ trước sang thời kỳ sau để có thể tính toán chính xác thời gian thích ứng của mỗi gia đình với một kiểu căn hộ nhất định.

Tùy theo tính chất, cơ cấu gia đình và chu trình sống, mỗi gia đình có thể được thỏa mãn về nhà ở trong một thời hạn khác nhau. Điều đó cũng liên quan đến cả lãnh vực phục vụ. Căn hộ càng được thiết kế tốt, càng tính nhiều đến nhu cầu của gia đình theo cơ cấu và chu trình sống thì thời hạn hao mòn vô hình của nó càng dài. Phát triển nghiên cứu theo hướng đó, có thể xác định số phần trăm cư trú ổn định hay sẽ di cư.

Đối với vấn đề kéo dài thời hạn cư trú của gia đình trong cùng một căn hộ (hay là kéo dài thời hạn hao mòn vô hình của căn hộ) thì vấn đề, phức tạp nhất là thỏa mãn những nhu cầu biến đổi của gia đình có liên quan tới sự thay đổi qui mô của nó, tới yêu cầu thay đổi qui mô căn hộ.

Ngoài sự phát triển của từng gia đình, sự phát triển của tổng thể các gia đình cũng có ý nghĩa quan trọng đối với việc phát triển xây dựng nhà ở hàng loạt.

Sự phát triển tổng thể các gia đình có hai khuynh hướng: một khuynh hướng biến động của toàn bộ các gia đình trên đất nước hoặc trong dân cư đô thị hay dân cư nông thôn. Khía cạnh này liên quan đến khuynh hướng biến đổi trong tỉ lệ các gia đình có thành phần số lượng khác nhau hay trong cơ cấu các gia đình (như phần gia đình cơ bản tăng lên v.v..), điều đó dẫn đến sự cần thiết phải thay đổi tỉ lệ các căn hộ có kiểu khác nhau trong vốn nhà ở của đất nước. Hai là khuynh hướng phát triển của một tập hợp gia đình sống ở một nơi cụ thể. Khía cạnh thứ hai này phản ánh những mâu thuẫn giữa cơ cấu một tập hợp gia đình với không gian sinh sống, với nơi ở. Có được thông tin xác định về cơ cấu nhân khẩu xã hội của dân cư đến ở một khu ở mới thì có thể nghiên cứu những biến đổi của nó, nói trước được nhu cầu của dân cư đó sẽ diễn biến theo hướng nào và như vậy cho phép chuẩn bị sắp xếp để tăng thời hạn hao mòn vô hình của nơi ở mới và nâng cao hiệu quả xã hội của nó.

Mức độ tương quan giữa cơ cấu và động thái dân cư với cơ cấu nơi ở gây ra những hậu quả xã hội rất to lớn trong các thành phố nói chung và đặc biệt là trong các thành phố mới. Những nơi ở mới không tính đến động thái của dân cư và những nhu cầu của nó làm cho sinh hoạt khó khăn và nhiều người phải di cư đi nơi khác.

III

Nơi ở là bộ phận cấu thành chủ yếu trong đô thị và cũng là bộ phận cấu thành quan trọng của nông thôn. Nơi ở sẽ không được hiểu biết đầy đủ nếu nghiên cứu nó tách biệt với sự vận động và phát triển của đô thị và nông thôn.

Đô thị giống như một cơ thể sống luôn luôn tái sản xuất và tái sản xuất mở rộng mọi mặt cuộc sống của mình: kinh tế xã hội, văn hóa. Nội dung chức năng tái sản xuất đó là đảm bảo sự phù hợp giữa các hoạt động xã hội, giữa nhu cầu của dân cư với môi trường đô thị như về nhà ở, công trình phục vụ công cộng v.v...

Trước hết cần có sự đồng bộ trong đô thị, như cần đảm bảo cho sự hoạt động sản xuất của lực lượng công nhân với cơ cấu và trình độ nghiệp vụ nhất định. Thứ hai, cần có sự thích nghi, như cần bổ sung lực lượng lao động hiện có cho thích ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới hoặc là cần giúp cho những người từ nông thôn mới di cư tới có thể thích nghi được với lối sống đô thị, khỏi bị va vấp mạnh. Cả hai yêu cầu về đồng bộ và thích nghi nói trên đều đòi hỏi có cơ sở vật chất xã hội tương ứng (như trường sở, nhà ở, tiện nghi, hệ thống phục vụ công

cộng v.v....) Thứ ba là cần xác định thứ tự ưu tiên của các hoạt động, chẳng hạn có ý kiến đã cho rằng muốn cho sản xuất phát triển nhanh thì khoa học, kỹ thuật, văn hoá phải phát triển trước: nếu đúng như vậy thì cơ sở hạ tầng xã hội cần thiết cho sự phát triển khoa học, kỹ thuật, văn hóa phải vượt lên trước.

Chức năng tái sản xuất của đô thị còn được xem xét về mặt cơ cấu. Để giải quyết tốt các vấn đề đô thị, cần đảm bảo tính phức hợp, tính toàn vẹn của mọi lĩnh vực hoạt động. Cần chú ý mọi mặt hoạt động cho nhịp nhàng, ăn khớp: cả về kinh tế xã hội, văn hóa, giáo dục, quản lý v.v... Như hoạt động xã hội không thể tách khỏi hoạt động kinh tế là nhân tố quyết định. Nhưng chỉ quan tâm đến kinh tế sẽ không đủ vì chính con người là thành phần chủ yếu trong lực lượng sản xuất, là động cơ lao động, những nhân tố ảnh hưởng đến động cơ đó như điều kiện ăn, ở, nghỉ ngơi, giải trí là vô cùng quan trọng. Cần phải nhìn trước đến cả những nhân tố sẽ có tầm quan trọng lớn sau này như khía cạnh sinh thái. Các nước có công nghiệp phát triển cao nay đã thấm thía việc thiếu tính toán trước đến những hậu quả xã hội của việc khai thác mạnh mẽ các nguồn năng lượng, nhiên liệu, khai thác thiên nhiên nói chung. Cần lưu ý rằng tính toàn vẹn về mặt cơ cấu ở đây không phải là con số cộng đơn thuần các nhân tố mà là sự liên hệ hợp qui luật của mọi nhân tố có tương quan.

Trong quá trình nghiên cứu đô thị, còn một vấn đề rất quan trọng là xác định phương hướng phát triển, xác định mục tiêu cần đạt tới của đô thị trong từng thời kỳ để trên cơ sở đó có thể đánh giá đúng đắn, sâu sắc (đánh giá theo quá trình phát triển), để khỏi mất phương hướng trước những chiều hướng đa dạng, phức tạp, có khi trái ngược nhau của các hiện tượng đô thị, nhằm thiết kế, xây dựng đúng với tính chất của nó là thiết kế cho tương lai. Việc dự đoán phương hướng và xác định mục tiêu cần dựa chặt chẽ trên phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa duy vật lịch sử, chủ nghĩa cộng sản khoa học, của lý thuyết đô thị hóa; mặt khác, cần dựa trên việc thực hiện nghiêm túc các nghiên cứu xã hội học cụ thể giúp nắm bắt tình hình xã hội thực tế và các dự báo tương lai từ gần tới xa.

Mục tiêu được chú ý xác định trong sự phát triển đô thị thường là sự phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Nhưng thực ra mục tiêu đó vẫn chỉ là biện pháp để đạt tới mục tiêu cao hơn. Đúng hàng đầu và xuyên suốt mọi hoạt động quản lý đô thị phải là sự lo tính nâng cao các điều kiện vật chất và tinh thần để phát triển con người.

Loại lý luận khác có quan hệ mật thiết với vấn đề ở là lý luận phát triển nông thôn. Trong nông thôn, nơi ở biến đổi nhiều cùng với sự biến chuyển của nông thôn trên con đường xã hội chủ nghĩa. Đi đôi với sự biến chuyển của lực lượng xã hội từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, từ cá thể sang tập thể, nhà ở gia đình nông thôn dần dần mất đi chức năng sản xuất là chủ yếu. Các nhà ở sẽ tụ họp lại gần nhau, tránh phân tán rải rác, để khỏi ảnh hưởng tới sản xuất lớn và sử dụng thuận lợi các công trình phục vụ công cộng. Cùng với sự phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và văn hoá, cùng với việc mở rộng ngành nghề và hình thành nhiều tầng lớp xã hội khác nhau, cùng với sự phổ biến lối sống đô thị nhu cầu về ở sẽ rất đa dạng và hướng về nâng cao chất lượng ở. Nhiều kiểu dạng nhà ở khác nhau sẽ xuất hiện, từ một tầng có vườn, tới nhiều tầng nhiều căn không có vườn, và trang bị tiện nghi nhà ở cũng sẽ thay đổi từ đơn giản như nước giếng đèn dầu tới hiện đại như nước máy đèn điện, nhà xí máy giống như ở thành thị.

Nông thôn xã hội chủ nghĩa có hai chức năng chủ yếu là phát triển sản xuất và phát triển xã hội. Mục đích phát triển xã hội ở nông thôn là thoả mãn càng nhiều càng tốt (trong một mức độ phát triển nhất định của xã hội) những nhu cầu nhiều về của dân cư nông thôn và xích gần những điều kiện sống, mức sống và lối sống của dân cư thành thị. Khả năng khắc phục những khác biệt xã hội giữa thành thị và nông thôn là một ưu thế lớn lao của xã hội xã hội chủ nghĩa. Việc khắc phục này được coi là một nhiệm vụ chiến lược lâu dài trong đó vấn đề ở có vai trò quan trọng hàng đầu.

Sự phát triển nhà ở và hệ thống phục vụ công cộng, sự cải tiến quy hoạch lãnh thổ quần cư sẽ đóng góp rất hiệu quả vào việc khắc phục nhiều khác biệt bằng cách sẽ tập trung nông dân trong một số hũu hạn điểm dân cư có những tổ chức phục vụ hàng ngày và định kỳ, bằng cách sẽ hình thành những hệ thống quần cư liên kết dân cư thành thị và nông thôn trong cùng một tổng thể xã hội, bằng cách thoả mãn những nhu cầu của các gia đình về nhà ở có tiện nghi, nâng cao mức độ phục vụ sinh hoạt lên bằng mức ở thành thị san bằng những điều kiện

học tập văn hoá so với thành thị, xã hội hóa giáo dục đối với thiếu nhi và thanh niên nông thôn, tạo điều kiện nghỉ ngơi giải trí cô nội dung phong phú, thỏa mãn những nhu cầu về bảo vệ sức khoẻ và chữa bệnh.

Ngoài việc tham gia thực hiện nhiệm vụ chiến lược phát triển xã hội ở nông thôn, nơi ở còn sẽ góp phần thực hiện hai chức năng khác của nông thôn là chức năng nghỉ ngơi, giải trí, chữa bệnh, khôi phục sức lực vật chất và tinh thần cho người lao động thành thị và chức năng ((phi đô thị hóa)) đảm bảo những điều kiện sinh hoạt cần thiết cho những nhóm dân cư đô thị lớn tuổi muốn chuyển về sống gần thiên nhiên.

Còn một lý luận chuyên biệt khác gắn mật thiết với đối tượng nghiên cứu xã hội học về ở là *lý luận về quan hệ giữa đời sống xã hội với không gian hình thể*. Đặc điểm nhân khẩu xã hội của con người, của các gia đình, nói chung là lối sống của họ, có ảnh hưởng quyết định đối với lãnh vực xây dựng phi sản xuất, quyết định từ thiết kế quy hoạch căn hộ tới tổ chức mạng lưới cơ sở phục vụ sinh hoạt - văn hóa.

Ảnh hưởng của đời sống xã hội cũng rõ rệt cả trên những phạm vi rộng lớn. Sự phân công lao động xã hội theo lãnh thổ đạt trình độ cao trong thời đại cách mạng cơ khí đã phát trên mạnh các kiểu quần cư thành thị và các kiểu ở tại thành thị.

Không gian hình thể có ảnh hưởng trở lại đối với đời sống xã hội. Không gian được xem xét ở đây trong xã hội học là không gian được con người sử dụng, và có những hiệu quả riêng rõ rệt, nghĩa là những hiệu quả không phải rút ra chủ yếu từ những yếu tố khác có liên quan.

Trước hết, đó là không gian có tác động mà xã hội học gọi là tác động ảnh hưởng. Ảnh hưởng này có thể là đơn nhất, trực tiếp như ảnh hưởng đến sức khỏe, đến học hành, nghỉ ngơi. Ảnh hưởng có thể là phức hợp theo nghĩa có khả năng tạo thành những hoạt động tương tác nhất định, giúp cho một số phương thức, một số yếu tố nào đó dành ưu thế. Chẳng hạn cách bố trí nhà ở và hệ thống dịch vụ sinh hoạt - xã hội xung quanh xí nghiệp làm tăng ảnh hưởng của xí nghiệp, từ đó sẽ ảnh hưởng tới cả các quan hệ xã hội ngoài phạm vi sản xuất. Những xung đột, những hệ thống cấp bậc, đẳng cấp trong xí nghiệp cũng dội cả vào các quan hệ gia đình, xóm giềng, các nơi nghỉ ngơi, giải trí. Ngược lại, nơi ở cách biệt nơi làm việc thì xí nghiệp sẽ mất hiệu lực trên nhiều mặt. Với khả năng ảnh hưởng như vậy, không gian hình thể có thể tạo thành một số tiềm năng, có thể đảm bảo một sự ổn định nào đó, một sự tái sản xuất nhất định trong cuộc sống.

Không gian hình thể còn có tác động tạo thành quan niệm, tạo thành ý thức. Tác động này tùy thuộc vào các nhân tố xã hội, chẳng hạn như ở các nước tư bản chủ nghĩa trước đây trung tâm thành phố lớn có nhiều ưu thế, được đánh giá cao; những ngày nay, trung tâm quá chật chội, chen chúc, đi lại tắc nghẽn môi trường ô nhiễm nặng, ngoại vi bắt đầu có nhiều ưu thế, được coi là ưu việt. Một ngôi nhà riêng ở ngoại vi trở thành một niềm hạnh phúc lớn.

Như vậy, *không gian hình thể là yếu tố vật chất có thể gây nhiều ảnh hưởng và mang nhiều ý nghĩa*. Mọi phân tích về hiệu quả xã hội của không gian hình thể đều xoay quanh hai nội dung đó.

Nhưng cùng một không gian kiến trúc sẽ ảnh hưởng khác nhau đến con người, có khi trái ngược hẳn nhau, tùy theo đặc điểm nhân khẩu, đặc điểm xã hội, mô hình văn hóa của họ, cụ thể là tùy theo tuổi tác, giới tính, thành phần giai cấp, nghề nghiệp, định hướng giá trị của họ.

Đời sống xã hội lại mềm dẻo, co giãn. Cuộc sống thường biết thích nghi trong một khung cảnh không gian có sẵn và vẫn tìm được sự phát triển theo quy luật của mình trong những khung cảnh không gian khác nhau. Nếu không thì chẳng có một thành phố nào đã xuất hiện trong lịch sử tồn tại được lâu dài, nếu không, thì cùng một chế độ xã hội trong những không gian khác nhau đã phải dẫn đến những cấu trúc xây dựng giống như nhau.

Cho nên việc tìm biết những tương quan giữa đời sống xã hội và không gian hình thể nhiều khi rất khó khăn không phải như một số nhà xã hội học đã quan niệm đơn giản, một chiều rằng những đặc điểm sinh thái của đô thị quyết định lối sống và văn hóa đô thị, rằng chỉ cần tác động vào những điều kiện vật chất về ở, về trang bị là có thể làm cho văn hóa và tinh thần con người tự động thay đổi.

Nhà xã hội học đô thị, xã hội học nông thôn quan tâm xây dựng cho tương lai lại còn cần biết tương lai của những tương quan ấy. Đó là thêm một khó khăn lớn nữa. Vì vậy, trong quá trình phấn đấu thực hiện mục đích

của mình là đề xuất những điều kiện không gian hình thể nhằm phát triển lối sống mới, nhà xã hội học luôn gắng sức tìm tòi những con đường tối ưu nhưng tránh tư tưởng cố tìm được những biện pháp duy nhất có thể có.